

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày 14 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Thắng

Bà Nguyễn Thị Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/1989; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị P (đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại: Anh Trương Văn H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Lồ, xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, tỉnh Vinh Phúc, có mặt.

- Người chứng kiến: Anh Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố Giữa, thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vinh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/02/2023, anh Trương Văn H điều khiển xe ô tô BKS: 88A- 167.67, loại xe Mazda 3 đến Gara ô tô S thuộc địa phận tổ dân phố G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vinh Phúc để rửa xe. Khi đến nơi anh H đã bàn giao chiếc xe ô tô trên cùng chìa khóa xe cho nhân viên rửa xe của Gara ô

tô S là Nguyễn Văn A để A điều khiển xe ô tô lên cầu rửa xe và tiến hành rửa xe. Sau khi dọn dẹp phần bên ngoài xe xong, Nguyễn Văn A tiến hành dọn dẹp phần nội thất bên trong xe, trong quá trình dọn dẹp, A mở phần cốp xe nằm ở phía trước ghế phụ ra để dễ dàng lấy tấm lót sàn xe ra vệ sinh. A mở cốp ra thì thấy bên trong ngăn cốp xe có một chiếc túi da màu đen và ở phần ngăn của chiếc túi da này không được kéo hết khóa nên A nhìn thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ ở bên trong. A nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh H lấy tiền chi tiêu cá nhân. Thực hiện ý định, A quan sát xung quanh không có ai nên dùng tay phải rút 05 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ trong chiếc túi da màu đen rồi đút vào túi quần bên phải đang mặc và tiếp tục công việc dọn nội thất xe. Khi lau dọn xe xong, A đi vào nhà vệ sinh của Gara ô tô lấy số tiền vừa trộm cắp ra đếm được 2.500.000đ, A nhét số tiền này vào vách tôn bên trong nhà vệ sinh. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh H đến lấy xe ô tô đi đổ xăng thì phát hiện bị mất số tiền 2.500.000đ nên đã trình báo Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc, Nguyễn Văn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 2.500.000đ cho cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T.

Tại kết luận giám định số 899/KL-KTHS ngày 05/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trích xuất được 08 ảnh từ USB của anh Trương Văn H, ghi lại hình ảnh phạm tội của Nguyễn Văn A.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.500.000đ, ngoài ra không yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSTD ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn A từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trương Văn H số tiền 2.500.000đ; xác nhận bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra 2.500.000đ để trả lại cho anh H.

Bị hại, anh Trương Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 24/02/2023, tại Gara ô tô S ở tổ dân phố G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn A đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp của anh Trương Văn H số tiền 2.500.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.500.000 đồng cho cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T để bồi thường cho anh Trương Văn H; tại phiên tòa, anh H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo,

án định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy, trước thời điểm phạm tội, bị cáo làm nhân viên rửa xe, có thu nhập hàng tháng; tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo không đi làm mà đi chăm sóc bố đẻ đang nằm điều trị tại Bệnh viện. Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Anh Trương Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền trên; tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T số tiền 2.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã chuyển số tiền trên đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên anh Trương Văn H được nhận lại số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải trả lại cho anh Trương Văn H 2.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra 2.500.000 đồng để trả lại cho anh

H (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2023 giữa Công an huyện Tam Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh

